

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý I/2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2017 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập các lớp đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 194 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 54 sinh viên, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K53 2011 - 2015	K54 2012 - 2016	K55 2013 - 2017	K56 2014 - 2018	K57 2015 - 2019	K58 2016 - 2020	Cộng
1	Bệnh học thủy sản	-	-	-	-	01	-	01
2	Công nghệ chế biến thủy sản	-	-	-	-	02	-	02
3	Công nghệ chế tạo máy	-	-	-	01	06	-	07
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	-	-	01	01	10	-	12
5	Công nghệ kỹ thuật hóa học	-	-	-	01	09	-	10
6	Công nghệ sau thu hoạch	-	-	-	-	01	-	01
7	Công nghệ sinh học	-	-	-	01	04	01	06
8	Công nghệ thông tin	-	-	02	01	08	-	11
9	Công nghệ thực phẩm	-	-	-	01	13	-	14
10	Kế toán	-	02	01	-	03	-	06
11	Khai thác thủy sản	-	-	-	-	02	-	02
12	Khoa học hàng hải	-	-	-	01	07	-	08
13	Kinh doanh thương mại	-	-	-	-	14	-	14
14	Kinh tế	-	-	-	01	03	-	04
15	Kỹ thuật cơ điện tử	-	-	01	05	02	-	08



Handwritten signature in blue ink.

TT	Ngành tốt nghiệp	K53 2011 - 2015	K54 2012 - 2016	K55 2013 - 2017	K56 2014 - 2018	K57 2015 - 2019	K58 2016 - 2020	Cộng
16	Kỹ thuật cơ khí	-	-	-	03	14	-	17
17	Kỹ thuật môi trường	-	-	-	-	07	-	07
18	Kỹ thuật nhiệt	-	-	-	-	01	-	01
19	Kỹ thuật ô tô	-	-	-	-	02	-	02
20	Kỹ thuật tàu thủy	-	-	01	-	05	-	06
21	Kỹ thuật xây dựng	-	-	01	01	15	-	17
22	Ngôn ngữ Anh	-	-	-	-	01	-	01
23	Nuôi trồng thủy sản	-	-	-	02	04	01	07
24	Quản lý nguồn lợi thủy sản	-	-	-	-	01	-	01
25	Quản lý thủy sản	-	-	01	-	07	-	08
26	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	-	-	-	02	07	-	09
27	Quản trị kinh doanh	-	-	02	04	01	-	07
28	Tài chính – Ngân hàng	01	-	02	-	02	-	05

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K56 2014-2017	K57 2015-2018	K58 2016-2019	Cộng
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	-	-	06	06
2	Công nghệ kỹ thuật môi trường	-	-	02	02
3	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	-	01	01	02
4	Công nghệ kỹ thuật ô tô	-	01	04	05
5	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	-	-	02	02
6	Công nghệ thông tin	-	01	05	06
7	Công nghệ thực phẩm	-	01	02	03
8	Kế toán	-	04	04	08
9	Kinh doanh thương mại	-	04	07	11
10	Nuôi trồng thủy sản	01	-	02	03
11	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	-	01	02	03
12	Quản trị kinh doanh	03	-	-	03

Điều 2. Trường phòng, khoa, viện liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.

HIỆU TRƯỞNG



Trang Sĩ Trung

**DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ I NĂM 2020**

Theo Quyết định số 140/QĐ-ĐHNT ngày 20/12/2020

Loại hình đào tạo: Đại học chính quy

1. Bệnh học thủy sản

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57137289	Đào Văn Quý	25/05/1997	Quảng Trị	Nam	Trung bình	57.BHTS	2015-2019

Danh sách có 01 sinh viên

2. Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57130315	Trần Thị Thu Dung	21/12/1996	Bình Định	Nữ	Khá	57.CBTS	2015-2019
2	57130908	Đặng Thị Ngọc Thịnh	04/11/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CBTS	2015-2019

Danh sách có 02 sinh viên

3. Công nghệ chế tạo máy

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56132668	Đỗ Thành Tiến	23/05/1996	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	56.CTM	2014-2018
2	57131112	Phạm Văn Thiên Đại	23/11/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CTM	2015-2019
3	57130177	Lê Tấn Ngọc	03/03/1997	Quảng Nam	Nam	Trung bình	57.CTM	2015-2019
4	57132482	Nguyễn Duy Phương	22/02/1997	Lâm Đồng	Nam	Trung bình	57.CTM	2015-2019
5	57130235	Võ Thanh Quân	26/11/1997	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	57.CTM	2015-2019
6	57131271	Võ Ngọc Sang	28/08/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CTM	2015-2019
7	57131783	Nguyễn Thành Y	17/07/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CTM	2015-2019

Danh sách có 07 sinh viên

4. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	55136051	Nguyễn Việt Trung	29/09/1995	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	55.DDT-1	2013-2017
2	56130868	Lê Trần Lâm	09/08/1996	Đắk Lắk	Nam	Khá	56.DDT	2014-2018
3	57137374	Hồ Khương Hùng	02/02/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.DDT-1	2015-2019
4	57130780	Nguyễn Sinh Ngự	24/01/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.DDT-1	2015-2019
5	57131602	Phạm Ngọc Vinh	14/01/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.DDT-1	2015-2019
6	57130810	Đinh Quang Hiên	17/01/1997	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	57.DDT-2	2015-2019
7	57130253	Hồ Phi Hùng	23/04/1996	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	57.DDT-2	2015-2019
8	57131238	Nguyễn Thành Lưu	16/04/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.DDT-2	2015-2019
9	57130617	Huỳnh Văn Nhân	10/07/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.DDT-2	2015-2019
10	57130517	Nguyễn Ngọc Phúc	10/03/1997	Phú Yên	Nam	Khá	57.DDT-2	2015-2019
11	57131859	Nguyễn Hữu Tấn	05/12/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.DDT-2	2015-2019
12	57130974	Phạm Trần Ngọc Tính	14/07/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.DDT-2	2015-2019

Danh sách có 12 sinh viên

5. Công nghệ kỹ thuật hóa học

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56132386	Bùi Quốc Cường	06/12/1996	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	56.CNHH	2014-2018
2	57131368	Nguyễn Nhật Hoàng	13/08/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNHH-1	2015-2019
3	57130189	Bùi Thị Thanh Huyền	13/04/1997	Quảng Nam	Nữ	Khá	57.CNHH-1	2015-2019
4	57137281	Đỗ Văn Đạt	29/04/1997	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	57.CNHH-2	2015-2019
5	57130204	Triệu Tấn Sơn	23/12/1997	Quảng Nam	Nam	Trung bình	57.CNHH-2	2015-2019
6	57137067	Lê Thanh Thảo	19/04/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CNHH-2	2015-2019
7	57132335	Võ Thị Thương	12/01/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNHH-2	2015-2019
8	57137266	Nguyễn Tú Trâm	28/05/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.CNHH-2	2015-2019
9	57132370	Nguyễn Minh Thu Trang	03/12/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CNHH-2	2015-2019
10	57130198	Hoàng Quốc Việt	20/04/1997	Quảng Nam	Nam	Trung bình	57.CNHH-2	2015-2019

Danh sách có 10 sinh viên



6. Công nghệ sau thu hoạch

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57131608	Đinh Thị Ngọc Thảo	01/01/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.STH	2015-2019

Danh sách có 01 sinh viên

7. Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56130573	Phan Đình Văn	10/08/1996	Phú Yên	Nam	Trung bình	56.CNSH-2	2014-2018
2	57130096	Đặng Thị Kim Dung	19/04/1996	Hà Tĩnh	Nữ	Trung bình	57.CNSH	2015-2019
3	57137236	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	25/02/1997	Quảng Nam	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
4	57131764	Nguyễn Văn Hùng	17/05/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNSH	2015-2019
5	57130809	Nguyễn Thị Hằng Nga	25/04/1997	Đắk Lắk	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
6	58131245	Trần Thị Thủy	12/06/1998	Nam Định	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020

Danh sách có 06 sinh viên

8. Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	55130309	Trần Hữu Đạt	04/05/1995	Đắk Lắk	Nam	Khá	55.CNTT-2	2013-2017
2	55131671	Võ Chí Thành	15/07/1995	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	55.CNTT-2	2013-2017
3	56135036	Lê Minh Tiến	05/06/1996	Phú Yên	Nam	Trung bình	56.CNTT-2	2014-2018
4	57130996	Nguyễn Đăng Duy	26/09/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNTT-1	2015-2019
5	57131878	Lương Công Duy	24/07/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNTT-1	2015-2019
6	57131794	Nguyễn Trường Luân	14/03/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNTT-1	2015-2019
7	57131494	Hoàng Đoàn Minh	19/02/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNTT-1	2015-2019
8	57131555	Nguyễn Văn Tiến	19/11/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNTT-1	2015-2019
9	57130607	Nguyễn Minh Phùng	22/02/1995	Phú Yên	Nam	Khá	57.CNTT-2	2015-2019
10	57131935	Nguyễn Quốc Thịnh	11/02/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNTT-2	2015-2019
11	57130952	Nguyễn Hữu Tuấn	03/07/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNTT-2	2015-2019

Danh sách có 11 sinh viên

9. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56130283	Đỗ Tấn Tông	25/05/1996	Bình Định	Nam	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
2	57131433	Huỳnh Thanh Liêm	09/10/1997	An Giang	Nam	Khá	57.CNTP-1	2015-2019
3	57131470	Lê Thị Mỹ Loan	03/11/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CNTP-1	2015-2019
4	57131087	Cao Thị Thảo Nguyên	06/07/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNTP-2	2015-2019
5	57132127	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	20/05/1996	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNTP-2	2015-2019
6	57130631	Võ Thị Thường Thảo	25/05/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.CNTP-2	2015-2019
7	57130352	Thái Văn Vinh	19/03/1997	Bình Định	Nam	Trung bình	57.CNTP-2	2015-2019
8	57132424	Trần Huỳnh Đức	14/04/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNTP-3	2015-2019
9	57131895	Đỗ Nhật Quỳnh	23/04/1997	Đắk Lắk	Nữ	Khá	57.CNTP-3	2015-2019
10	57131239	Trịnh Thị Lệ Thu	13/06/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNTP-3	2015-2019
11	57132413	Phạm Thị Bích Thư	07/06/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNTP-3	2015-2019
12	57131613	Nguyễn Thiên Trang	17/01/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNTP-3	2015-2019
13	57131250	Trần Xuân Trúc	12/09/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CNTP-3	2015-2019
14	57131690	Nguyễn Đăng Trung	23/12/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNTP-3	2015-2019

Danh sách có 14 sinh viên

10. Kế toán

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	54130516	Phạm Đức Hưng	27/12/1994	Hải Dương	Nam	Khá	54.KT-1	2012-2016
2	54131815	Nguyễn Thị Trường Vy	06/11/1994	Khánh Hòa	Nữ	Khá	54.KT-3	2012-2016
3	55133446	Nguyễn Thiên Phương Uyên	18/06/1995	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	55.KT-3	2013-2017

15.

10. Kế toán

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
4	57131831	Nguyễn Thị Anh	21/04/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KT-1	2015-2019
5	57131831	Trương Thị Mỹ Hạnh	14/04/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.KT-1	2015-2019
6	57130661	Nguyễn Thị Hồ Nga	21/01/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.KT-3	2015-2019

Danh sách có 06 sinh viên

11. Khai thác thủy sản

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57131916	Lê Quốc Hưng	26/03/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KTTS	2015-2019
2	57131800	Văn Công Nhựt	05/04/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KTTS	2015-2019

Danh sách có 02 sinh viên

12. Khoa học hàng hải

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56132052	Nguyễn Văn Hòa	24/10/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56.KHHH	2014-2018
2	57131261	Phan Văn Bình	18/09/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.KHHH	2015-2019
3	57135028	Phan Hoài Duy	08/05/1995	Phú Yên	Nam	Khá	57.KHHH	2015-2019
4	57131701	Trần Văn Nguyên	10/03/1995	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KHHH	2015-2019
5	57131293	Nguyễn Sỹ Nhân	22/10/1996	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KHHH	2015-2019
6	57130987	Đỗ Anh Quốc	25/05/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.KHHH	2015-2019
7	57132292	Mai Thanh Thủy	07/03/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KHHH	2015-2019
8	57130798	Lê Thị Bình Yên	01/01/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	57.KHHH	2015-2019

Danh sách có 8 sinh viên

13. Kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57130658	Trần Minh Chiến	22/03/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.KDTM-1	2015-2019
2	57131077	Bùi Thị Hoàng Chương	26/11/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KDTM-1	2015-2019
3	57130703	Phạm Tử Duy	11/08/1997	Phú Yên	Nam	Khá	57.KDTM-1	2015-2019
4	57131949	Nguyễn Ngọc Hải	21/08/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.KDTM-1	2015-2019
5	57131311	Hồ Thị Viêt Hằng	11/04/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KDTM-1	2015-2019
6	57131098	Trần Minh Hiệp	20/03/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.KDTM-1	2015-2019
7	57132527	Đỗ Hoàng Khôi	06/10/1993	Ninh Thuận	Nam	Khá	57.KDTM-1	2015-2019
8	57131709	Dương Gia Kiệt	30/07/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KDTM-1	2015-2019
9	57130937	Nguyễn Thị Bích Loan	30/10/1997	Bình Định	Nữ	Khá	57.KDTM-1	2015-2019
10	57137138	Nguyễn Thị Mỹ	10/11/1997	Bình Định	Nữ	Khá	57.KDTM-1	2015-2019
11	56135215	Ngô Thị My	13/05/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	57.KDTM-2	2015-2019
12	57130777	Lê Vũ Gia Nhi	07/02/1996	Phú Yên	Nữ	Trung bình	57.KDTM-2	2015-2019
13	57132068	Phan Uyên Phương	14/08/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KDTM-2	2015-2019
14	57131936	Hoàng Thị Thảo Trang	21/09/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.KDTM-2	2015-2019

Danh sách có 14 sinh viên

14. Kinh tế

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56132408	Phạm Vũ Thuý Tiên	20/12/1995	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	56.KTNN	2014-2018
2	57130648	Phạm Đăng Khôi	30/10/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.KTNN	2015-2019
3	57131812	Đỗ Hoàng Thiện	10/02/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.KTNN	2015-2019
4	57132582	Nguyễn Thị Trâm	10/07/1997	Đắk Lắk	Nữ	Khá	57.KTNN	2015-2019

Danh sách có 04 sinh viên

15. Kỹ thuật cơ điện tử

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học	
1	56130698	Đặng Nhật Hải	Huy	31/08/1995	Quảng Ngãi	Nam	Khá	55.CDT	2013-2017
2	56136485	Nguyễn Quốc	Dũng	12/01/1996	Phú Yên	Nam	Khá	56.CDT	2014-2018
3	56136158	Mạc Lê Tấn	Phát	10/03/1996	Phú Yên	Nam	Trung bình	56.CDT	2014-2018
4	56131378	Lê Vũ	Thắng	08/09/1996	Bình Thuận	Nam	Trung bình	56.CDT	2014-2018
5	56132062	Đặng Tấn	Thành	06/09/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56.CDT	2014-2018
6	56131069	Đinh Văn	Thiện	27/05/1996	Đắk Lắk	Nam	Khá	56.CDT	2014-2018
7	57131702	Phan Thanh	Duy	19/02/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CDT	2015-2019
8	57130678	Nguyễn Minh	Tâm	18/07/1997	Phú Yên	Nam	Khá	57.CDT	2015-2019

Danh sách có 08 sinh viên

16. Kỹ thuật cơ khí

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56131134	Phạm Văn	Phụng	06/11/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56.KTCK	2014-2018
2	56132569	Đặng Công	Toàn	25/02/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56.KTCK	2014-2018
3	56136071	Nguyễn Minh	Trung	25/01/1993	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56.KTCK	2014-2018
4	57132126	Phạm Quốc	Ca	13/05/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019
5	57130288	Đặng Thành	Chung	18/05/1997	Bình Định	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019
6	56132366	Lưu Thành	Đạt	03/02/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019
7	57132122	Đoàn Đình Anh	Đồng	08/04/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019
8	57131034	Đỗ Công	Hậu	14/10/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019
9	57132572	Trần Minh	Kha	09/06/1996	Sóc Trăng	Nam	Khá	57.KTCK	2015-2019
10	57130282	Võ Hoàng	Khánh	05/05/1997	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019
11	57130960	Đỗ Văn	Kiệt	21/02/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019
12	57130612	Võ Thành	Lâm	13/11/1996	Phú Yên	Nam	Khá	57.KTCK	2015-2019
13	57131205	Huỳnh Thành	Liêm	17/10/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.KTCK	2015-2019
14	57130230	Trần Bình	Minh	19/05/1997	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019
15	57130418	Lê Hoài	Nam	04/08/1997	Gia Lai	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019
16	57130769	Phạm Ngọc	Quý	27/02/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019
17	57131179	Nguyễn Thanh	Quyển	01/05/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019

Danh sách có 17 sinh viên

17. Kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57130804	Trần Thị Mai	Lan	03/10/1997	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	57.CNMT-1	2015-2019
2	57130299	Nguyễn Minh	Nguyệt	20/08/1997	Bình Định	Nữ	Trung bình	57.CNMT-1	2015-2019
3	57131424	Lại Thị	Nhàn	29/01/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CNMT-1	2015-2019
4	57138017	Phạm Xuân	Quý	22/03/1995	Hà Tây	Nam	Khá	57.CNMT-2	2015-2019
5	57132297	Nguyễn Tấn	Sơn	14/06/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNMT-2	2015-2019
6	57130696	Nguyễn Thị	Thường	20/03/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.CNMT-2	2015-2019
7	57130597	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	28/08/1997	Phú Yên	Nữ	Trung bình	57.CNMT-2	2015-2019

Danh sách có 07 sinh viên

18. Kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57131984	Trần Quốc Hoàng	10/09/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.NL	2015-2019

Danh sách có 01 sinh viên

19. Kỹ thuật ô tô

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57131446	Trần Quốc Duy	23/06/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNOT-2	2015-2019
2	57130878	Phan Thiện Nhân	01/06/1997	Đắk Lắk	Nam	Khá	57.CNOT-2	2015-2019

Danh sách có 02 sinh viên

20. Kỹ thuật tàu thủy

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	55130409	Văn Ngân Hà	25/10/1995	Bình Định	Nam	Trung bình	55.KTTT	2013-2017
2	57131934	Nguyễn Tú Toàn	18/10/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KTTT-1	2015-2019
3	57130024	Trần Anh Tú	14/11/1997	Thái Bình	Nam	Trung bình	57.KTTT-1	2015-2019
4	57130220	Thượng Quốc Bảo	20/01/1997	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	57.KTTT-2	2015-2019
5	57130965	Trương Tôn Tấn Duy	25/08/1996	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KTTT-2	2015-2019
6	57130006	Nguyễn Văn Kiêm	20/10/1997	Đà Nẵng	Nam	Khá	57.KTTT-2	2015-2019

Danh sách có 06 sinh viên

21. Kỹ thuật xây dựng

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	55132257	Nguyễn Trung Ty	21/11/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CN XD	2013-2017
2	56133014	Nguyễn Ất Hợi	27/08/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56.CN XD	2014-2018
3	57135002	Nguyễn Quang Hào	11/03/1995	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CN XD-1	2015-2019
4	57131180	Nguyễn Minh Hiền	29/04/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CN XD-1	2015-2019
5	57131820	Trương Nguyễn Hoàng	26/10/1997	Quảng Bình	Nam	Trung bình	57.CN XD-1	2015-2019
6	57131228	Phan Hữu Huân	18/09/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CN XD-1	2015-2019
7	57130307	Đặng Văn Linh	02/02/1997	Bình Định	Nam	Khá	57.CN XD-1	2015-2019
8	57130195	Phạm Công Luật	01/01/1997	Quảng Nam	Nam	Trung bình	57.CN XD-1	2015-2019
9	57131852	Nguyễn Đô Lương	11/08/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CN XD-1	2015-2019
10	57132018	Trần Ngọc Nhật	08/01/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CN XD-1	2015-2019
11	57131418	Nguyễn Hoàng Chiến	25/06/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CN XD-2	2015-2019
12	57131569	Dương Thanh Sang	09/11/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CN XD-2	2015-2019
13	57130029	Dương Đình Sơn	08/12/1997	Thanh Hóa	Nam	Trung bình	57.CN XD-2	2015-2019
14	57130146	Trần Cảnh Thiên	10/10/1997	Quảng Trị	Nam	Trung bình	57.CN XD-2	2015-2019
15	57130570	Huỳnh Đức Thông	24/03/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.CN XD-2	2015-2019
16	57132357	Nguyễn Đỗ Trung Trí	12/02/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CN XD-2	2015-2019
17	57131321	Lương Quang Vinh	06/02/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CN XD-2	2015-2019

Danh sách có 17 sinh viên

22. Ngôn ngữ Anh

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57130787	Dương Thị Thu Thúy	18/12/1997	Phú Yên	Nữ	Trung bình	57.NNA-3	2015-2019

Danh sách có 01 sinh viên

23. Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56132111	Trần Thiên Bảo	10/05/1996	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	56.NTTS-1	2014-2018
2	56130806	Nguyễn Trung Trực	06/12/1996	Đắk Lắk	Nam	Khá	56.NTTS-2	2014-2018
3	57132463	Nguyễn Thị Giới	08/07/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.NTTS-1	2015-2019

23. Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
4	57132514	Đặng Nhân Hậu	28/01/1997	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	57.NTTS-1	2015-2019
5	57137341	Nguyễn Thanh Toàn	11/02/1995	Đắk Lắk	Nam	Khá	57.NTTS-2	2015-2019
6	57132511	Ngư Ngọc Tuấn	10/03/1997	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	57.NTTS-2	2015-2019
7	58132881	Nguyễn Lập Đức	04/06/1998	Kiên Giang	Nam	Khá	58.NTTS-1	2016-2020

Danh sách có 07 sinh viên

24. Quản lý nguồn lợi thủy sản

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57130598	Đỗ Minh Tiên	13/10/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.QLNL	2015-2019

Danh sách có 01 sinh viên

25. Quản lý thủy sản

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	55133052	Nguyễn Trung Nghĩa	09/07/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.QLTS	2013-2017
2	57130286	Dương Tiến Đạt	19/07/1997	Kon Tum	Nam	Trung bình	57.QLTS-1	2015-2019
3	56130062	Nguyễn Văn Lâm	19/05/1995	Nghệ An	Nam	Trung bình	57.QLTS-1	2015-2019
4	57137280	Trần Thanh Nguyệt	21/04/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	57.QLTS-1	2015-2019
5	57130650	Phạm Thị Thùy Trâm	16/03/1997	Phú Yên	Nữ	Trung bình	57.QLTS-1	2015-2019
6	57130025	Phạm Thùy Linh	01/09/1997	Thái Bình	Nữ	Trung bình	57.QLTS-2	2015-2019
7	57130628	Nguyễn Thị Kim Linh	18/04/1997	Phú Yên	Nữ	Trung bình	57.QLTS-2	2015-2019
8	57130082	Chu Thị Phúc	15/10/1997	Nghệ An	Nữ	Khá	57.QLTS-2	2015-2019

Danh sách có 08 sinh viên

26. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56130046	Hàn Quang Minh	22/10/1996	Thanh Hoá	Nam	Trung bình	56.QTDL-1	2014-2018
2	56131325	Nguyễn Trương Tường Vân	31/01/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.QTDL-2	2014-2018
3	57132165	Nguyễn Thiên Ân	10/11/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.QTDL-1	2015-2019
4	57131053	Nguyễn Thị Kim Hương	25/07/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.QTDL-1	2015-2019
5	57132305	Châu Anh Khôi	13/12/1996	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.QTDL-1	2015-2019
6	57130921	Phan Thị Luy Na	21/12/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTDL-1	2015-2019
7	57132119	Đặng Uyên Phương	07/10/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.QTDL-2	2015-2019
8	57131204	Trần Thái San	08/06/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.QTDL-2	2015-2019
9	57134004	Huỳnh Cao Vũ Thắng	04/12/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.QTDL-2	2015-2019

Danh sách có 09 sinh viên

27. Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	55130924	Trần Văn Linh	09/06/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.QTKD-1	2013-2017
2	55133672	Trần Ngọc Thảo Hiền	05/09/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.QTKD-2	2013-2017
3	56131350	Phùng Thị Thùy Linh	03/09/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56.QTKD-1	2014-2018
4	56135210	Đỗ Ngọc Hoàng Sang	10/12/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	56.QTKD-1	2014-2018
5	56132176	Nguyễn Văn Đầu	01/12/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56.QTKD-2	2014-2018
6	56131849	Trương Thị Thiện	16/07/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.QTKD-2	2014-2018
7	57131206	Nguyễn Anh Duy	21/03/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.QTKD-1	2015-2019

Danh sách có 07 sinh viên

28. Tài chính - Ngân hàng

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	53130346	Nguyễn Thị Thúy Hằng	07/03/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.TCNH-3	2011-2015
2	55132023	Ngô Thành Trang	19/02/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.TCNH	2013-2017
3	55132224	Đào Duy Tùng	12/03/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.TCNH	2013-2017
4	57132163	Nguyễn Trương Việt Trinh	31/07/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.TCNH	2015-2019
5	57132138	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	24/04/1997	Bình Định	Nữ	Trung bình	57.TCNH	2015-2019

Danh sách có 05 sinh viên

**DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ I NĂM 2020**

Theo Quyết định số 140/QĐ-ĐHNT ngày 20/2/2020

Loại hình đào tạo: Cao đẳng chính quy

1. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	58160789	Trịnh Chung	Hải	09/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58C.DDT	2016-2019
2	58160815	Ngô Minh	Phú	03/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58C.DDT	2016-2019
3	58161161	Nguyễn Quang	Thanh	02/12/1997	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58C.DDT	2016-2019
4	58160836	Lê Ngọc	Thịnh	19/11/1997	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58C.DDT	2016-2019
5	58160828	Đỗ Minh	Tú	13/04/1997	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58C.DDT	2016-2019
6	58160842	Võ Anh	Văn	01/09/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58C.DDT	2016-2019

Danh sách có 06 sinh viên

2. Công nghệ kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	58161166	Đặng Duy	Quang	02/07/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58C.CNMT	2016-2019
2	58160888	Nguyễn Nhật	Thiện	27/03/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58C.CNMT	2016-2019

Danh sách có 02 sinh viên

3. Công nghệ kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57160269	Nguyễn Lê Trọng	Nghĩa	08/01/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57C.NL	2015-2018
2	58160742	Bùi Việt	Hoàng	12/11/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58C.CNNL	2016-2019

Danh sách có 02 sinh viên

4. Công nghệ kỹ thuật ô tô

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57160366	Nguyễn Thành	Khiêm	20/04/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57C.CNOT	2015-2018
2	58160666	Võ Minh	Hải	19/12/1998	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	58C.CNOT	2016-2019
3	58160669	Nguyễn Ngọc	Hào	02/03/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58C.CNOT	2016-2019
4	58160697	Võ Mai Bá	Ngân	20/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58C.CNOT	2016-2019
5	58160732	Trần Minh	Vương	03/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58C.CNOT	2016-2019

Danh sách có 05 sinh viên

5. Công nghệ kỹ thuật xây dựng

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	58160626	Lê Ngọc	Khánh	04/03/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58C.CNXD	2016-2019
2	58160643	Lê Ngọc	Tính	01/06/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58C.CNXD	2016-2019

Danh sách có 02 sinh viên

6. Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57160243	Phạm Tuyền	Quang	09/06/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57C.CNTT	2015-2018
2	58160650	Võ Trần Minh	Bảo	25/12/1998	Ninh Thuận	Nam	Khá	58C.CNTT	2016-2019
3	58160533	Nguyễn Minh	Hiền	05/10/1998	Bình Định	Nam	Trung bình	58C.CNTT	2016-2019
4	58161154	Lương Ngọc	Hiệp	08/03/1998	Hà Tĩnh	Nam	Trung bình	58C.CNTT	2016-2019
5	58160599	Phạm Anh	Văn	20/07/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58C.CNTT	2016-2019
6	58160604	Nguyễn Hoài	Vũ	23/05/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58C.CNTT	2016-2019

Danh sách có 06 sinh viên

7. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57160115	Trần Thị Khải	Huyền	27/09/1996	Phú Yên	Nữ	Trung bình	57C.CNTP-1	2015-2018
2	58161172	Võ Thị Thúy	Quý	01/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.CNTP	2016-2019
3	58161017	Nguyễn Triều	Vỹ	25/08/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58C.CNTP	2016-2019

Danh sách có 03 sinh viên

8. Kế toán

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57160828	Nguyễn Thị Đoan Hậu	15/05/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57C.KT-1	2015-2018
2	57160711	Lê Thị Hồng Linh	07/04/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57C.KT-1	2015-2018
3	57160821	Hồ Thị Mỹ Linh	16/03/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57C.KT-1	2015-2018
4	57160351	Võ Thị Kim Ngân	10/02/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57C.KT-1	2015-2018
5	58160333	Vũ Thị Mỹ Dung	26/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.KT-1	2016-2019
6	58160376	Phạm Thị Hồng Lắm	06/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.KT-1	2016-2019
7	58160356	Nguyễn Thị Minh Hiếu	13/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.KT-2	2016-2019
8	58160404	Phạm Thu Ngân	03/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.KT-2	2016-2019

Danh sách có 08 sinh viên

9. Kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57160127	Phạm Thị Mỹ Nhung	19/09/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57C.KDTM	2015-2018
2	57160455	Võ Thị Thu Thảo	31/07/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57C.KDTM	2015-2018
3	57160663	Trần Mỹ Thuận	29/07/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57C.KDTM	2015-2018
4	57160559	Nguyễn Hoàng Yến Vy	05/10/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57C.KDTM	2015-2018
5	58160213	Đỗ Thị Mỹ Dung	15/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.KDTM	2016-2019
6	58161182	Phan Yến Linh	05/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.KDTM	2016-2019
7	58160248	Võ Thị Thúy Nga	10/09/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.KDTM	2016-2019
8	58160249	Ngô Hồng Phương Ngân	10/07/1998	Phú Yên	Nữ	Trung bình	58C.KDTM	2016-2019
9	58161193	Võ Thị Kim Thanh	29/01/1997	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.KDTM	2016-2019
10	58160271	Võ Thị Thảo Tiên	18/08/1998	Phú Yên	Nữ	Trung bình	58C.KDTM	2016-2019
11	58161230	Lê Tố Uyên	12/02/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	58C.KDTM	2016-2019

Danh sách có 11 sinh viên

10. Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56162823	Võ Đình Dũng	13/07/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.NTTS	2014-2017
2	58161054	Nguyễn Thiện Tâm	09/07/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58C.NTTS	2016-2019
3	58161220	Tài Thị Mai Xuân	05/04/1997	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	58C.NTTS	2016-2019

Danh sách có 03 sinh viên

11. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57160675	Thái Công Tĩnh	17/06/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57C.QTDL-2	2015-2018
2	58160052	Phạm Xuân Hoàng	28/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58C.QTDL-1	2016-2019
3	58160058	Trần Văn Huy	20/10/1998	Đắk Lắk	Nam	Khá	58C.QTDL-1	2016-2019

Danh sách có 03 sinh viên

12. Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56160860	Mai Thị Phụng	09/10/1996	Phú Yên	Nữ	Trung bình	56C.QTKD-1	2014-2017
2	56161423	Ngô Thị Bích Thuận	18/03/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.QTKD-1	2014-2017
3	56162620	Trương Thị Uyên Vy	08/02/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.QTKD-1	2014-2017

Danh sách có 03 sinh viên